

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực
An toàn thực phẩm áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng
5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28
tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành
chính sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công
Thương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 24/TTr-SCT
ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi,
bổ sung trong lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở
Công Thương áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực
An toàn thực phẩm áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có danh mục các thủ tục
hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và sửa
đổi các thủ tục hành chính số: 01, 02 khoản VIII, Mục A Phụ lục kèm theo Quyết
định số 237/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ngành Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Giám đốc Sở Công Thương chịu trách nhiệm tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện theo đúng quy định. Chỉ đạo thực hiện việc công khai dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính theo hướng dẫn tại Công văn số 143/UBND-TTHCC ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (đ/b);
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (để báo cáo);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Viễn thông Kon Tum (để phối hợp);
- VP UBND tỉnh:
 - + Các PCVP (đ/b);
 - + Phòng HTKT (đ/b);
- Lưu: VT, TTHCC.LTLH

CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM
(Ban hành kèm theo Quyết định số 202 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

| Số TT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|-------|------------------------|--|---|--|--|---|---------------------|------------|--------------------|
| | | | | | | | Trực tiếp | Trực tuyến | Bưu chính công ích |
| 1 | 2.000591.000.00.00.H34 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/ Ban quản lý an toàn thực phẩm thực hiện | Trong thời gian 25 ngày làm việc (không tính thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ) | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | + Cơ sở kinh doanh thực phẩm. Mức thu: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở. + Cơ sở sản xuất thực phẩm. Mức thu: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở. | - Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ Tài chính. | x | x | x |

| | | | | | | | | | |
|---|--------------------------------|--|---|--|--|---|---|---|---|
| 2 | 2.000535. 000.00.00 .H34 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/ Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện | - Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ Tài chính. | x | x | x |
| | | | - Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: Trong thời gian 25 ngày làm việc (không tính thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ). | | + Cơ sở kinh doanh thực phẩm. Mức thu: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở. + Cơ sở sản xuất thực phẩm. Mức thu: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở. | | | | |
| | | | - Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ. | | Không | | | | |

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|---|--|-------|--|--|--|--|
| | | | <p>- Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.</p> | | Không | | | | |
|--|--|--|---|--|-------|--|--|--|--|